

Giá trị đạo hiếu và truyền thống thờ đức Phật Được sư trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc

ISSN: 2734-9195 09:05 20/08/2025

Việc thờ phụng, tu trì và cầu nguyện lên đức Phật không chỉ là một hành động tôn giáo mà còn là sự thể hiện công khai các giá trị đạo đức trong đời sống gia đình và cộng đồng.

Trong suốt chiều dài lịch sử, nghi thức tang lễ và thờ cúng tổ tiên, cha mẹ quá cố được đánh giá là những tập tục có ảnh hưởng nhất giúp duy trì sự ổn định của hệ thống gia đình và dòng tộc ở Trung Quốc.

Những quan niệm lâu đời về các giá trị lấy gia đình và dòng tộc làm trung tâm này cũng có tác động lớn đến truyền thống tu tập đức Phật Được Sư trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc.

Sử liệu ghi chép cho thấy, nhiều phật tử đã thể hiện mối quan tâm sâu sắc về ý nghĩa của cửu huyền thất tổ và các nghi thức thờ cúng tổ tiên bảy đời. Dòng chữ khắc được tìm thấy tại hang động Lô Cổ Đài cho biết rằng Trương A Sảng, một Phật tử tại gia, đã phát tâm bảo trợ cho việc tạc tôn tượng đức Phật Được Sư.

Dòng chữ khắc có niên đại năm 701 viết rằng, Phật tử Trương có tâm nguyện thỉnh cầu Đức Phật không chỉ gia trì cho cha mẹ hiện đời mà còn cho tổ tiên bảy đời của ông.



Một ví dụ liên quan khác là một dòng chữ khắc do Diêu Tư ở Vĩnh Châu, Hồ Nam bảo trợ, tạc tôn tượng đức Phật A Di đà và đức Phật Dược Sư với mong muốn hồi hướng cho sự an lạc giải thoát tới cửu huyền thất tổ của mình.

Không có nhiều nghiên cứu chỉ rõ về nguồn gốc của quan niệm dòng dõi của một người lên đến bảy thế hệ. Các nhà triết học Trung Quốc cổ đại thường bày

tổ sự coi trọng vai trò to lớn của tổ tiên mỗi người. Sách Quản Tử của nhà tư tưởng cổ đại Quản Trọng (mất năm 645 TCN), viết rằng: "Nếu một người không tôn kính tổ tiên và cha ông của mình, thì tâm hiếu kính và tình huyết thống gia tộc sẽ bị mai một" .

Từ thế kỷ V trở đi, cụm từ “cửu huyền thất” thường được sử dụng trong nhiều văn bia Phật giáo tại Trung Quốc. Tuy nhiên không chỉ trong Phật giáo mà tín đồ Đạo giáo và một số tín ngưỡng phổ biến khác ở Trung Quốc cũng sử dụng quan niệm này một cách phổ biến.

Theo nghiên cứu về nghệ thuật Đạo giáo của Kamitsuka Yoshiko, trong khi một số bia đá Đạo giáo ghi rõ mong muốn của những người bảo trợ muốn cầu nguyện tới bảy đời tổ tiên của mình, đồng thời cũng mô tả các chủ đề liên quan các cảnh phán xét, trừng phạt ở cõi giới của người đã qua đời.

Mặc dù con số “bảy” được nhắc tới nhưng nhiều nhà nghiên cứu cho rằng không nên hiểu theo nghĩa đen, mà nên hiểu con số này mang ý nghĩa biểu trưng cho sự cần thiết phải tưởng nhớ, tôn trọng và cầu nguyện lên tổ tiên, dòng dõi của bản thân.

Hơn nữa, bằng chứng cho thấy những người nhận được công đức trực tiếp nhất bởi sự tu trì là cha mẹ quá cố của người đó.

Các bản chú giải kinh văn tại Trung Quốc có ghi lại câu chuyện Tống Thiệu từ thời Tùy, một quan đốc địa phương ở quận Chiết Giang.

Tống Thiệu đã viết về động cơ ông tu tập Phật pháp và còn được ghi chép lại trong bốn bản chú giải thời Tùy. Bản chú giải đầu tiên viết rằng mẹ của Tống Thiệu đã mất vào ngày 15.05 năm thứ ba thời Khai Hoàng (583). Trong thời gian để tang, thay mặt cho người mẹ quá cố của mình, ông đã đọc tụng Kinh Phật Dược Sư bốn mươi chín lần, cùng nhiều các bản kinh văn khác.

Bản chú giải thứ hai tại Đôn Hoàng ghi lại (S. 3935), Tống Thiệu đã tụng lại những bản kinh văn này hai tuần sau đó. Ông mong muốn người đã khuất “sẽ thoát khỏi những cực hình đau đớn ở thấp và đến được một cõi thanh tịnh”.

Bốn bản chú giải thời Tùy này vẫn có giá trị để nghiên cứu về việc thờ cúng và tu trì đức Phật Dược Sư thời Tùy.



Một câu chuyện khác trong phần chú giải ở bản thảo Đôn Hoàng (P. 2276), ghi lại, Phật tử Ứng Uy Chân đã thờ cúng và tu tập đức Phật Dược Sư với lời nguyện hồi hướng sự an lành cho người cha đã khuất của mình. Năm 604, thay mặt cho người cha quá cố của mình, Phật tử Ứng đã bảo trợ chế tác một cây phướn dài khoảng bốn mươi chín gang tay. Ông cũng phát tâm đứng ra bảo trợ cho việc chép Kinh Quán Đỉnh để tích lũy công đức hồi hướng sự giải thoát cho người cha

đã khuất của mình.

Tương tự như vậy đối với một tác phẩm điêu khắc bằng đá tôn tượng Đức Phật Dược Sư, được phát hiện tại thành phố Đồng Xuyên, tỉnh Thiểm Tây, vào năm 2008.

Tác phẩm điêu khắc hiện đang nằm trong bộ sưu tập của Bảo tàng Triều châu. Tôn tượng Đức Phật, cao khoảng 1,8 m, trong tư thế đứng trên tòa hoa sen. Dựa trên dòng chữ khắc, cho biết rằng tôn tượng được ba nhà bảo trợ đặt các thợ tinh xảo chế tác với mong nguyện người mẹ đã khuất của họ được ân hưởng sự tái sinh nơi cõi an lành. Chữ khắc cho thấy rằng vào năm thứ ba của thời đại Thần Long (707), anh em nhà họ Nguyên là Nguyên Huyền Khứ, Nguyên Huyền Trang và Nguyên Huyền Tấn, đã ủy thác làm tôn tượng để cầu phúc cho người mẹ quá cố của họ là bà Chu. Chữ khắc cho biết động cơ của những người cúng dường khi thực hiện việc làm tích lũy, hồi hướng công đức này. Rõ ràng, họ đã thấu hiểu hạnh nguyện, uy lực cứu độ của Đức Phật Dược Sư cũng như biết làm theo lời chỉ dẫn trong kinh văn để tích lũy công đức và tạo nghiệp lành cho người mẹ đã khuất.

Ngoài ra, bức tranh Stein 32 (Ch. xxvii.004), từ hang động Mogao số 17 tại Đôn Hoàng, hiện đang nằm trong bộ sưu tập của Bảo tàng Anh, đóng vai trò là nguồn tài liệu quan trọng cho các nghiên cứu về Đức Phật Dược Sư. Mặc dù phần dưới của bức tranh đã bị phá hủy, bức tranh lụa đầy màu sắc này vẫn có giá trị vì đây là một trong số ít bức tranh còn sót lại về Đức Phật Dược Sư do chính người Phật tử tín tâm này thiết kế và vẽ. Phần giữa phía trên khắc họa Đức Phật Dược Sư tọa trên tòa sen. Tay trái đức Phật cầm bình đầy pháp dược, tay phải trong thế ấn chuyển pháp luân, hai nhóm tùy tùng của ngài ở hai bên. Ngoài ra có hai đại Bồ tát hộ vệ được vẽ đối xứng ở hai bên phía dưới. Theo dòng chữ khắc, hai Bồ tát này là đức Phổ Hiền (Samantabhadra) và đức Văn Thù Sư Lợi (Manjusrī).

Bức tranh, có thể được tạo ra trong thời kỳ Tây Tạng cai trị Đôn Hoàng vào thế kỷ thứ IX, lưu giữ một dòng chữ khắc ở phần trung tâm. Mặc dù dòng chữ khắc gần như đã phai mờ, nhưng nội dung gốc được viết bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Trung, đã được phục hồi bằng công nghệ hiện đại. Dựa trên nghiên cứu của Heather Karmay, chúng ta biết rằng bức tranh được tu sĩ Diệu Đức vẽ vào năm 836. Dòng chữ khắc tiếng Tây Tạng cho biết rằng ông đã vẽ biểu tượng Đức Phật với mong nguyện sức khỏe của mình được cải thiện. Ngoài ra, dòng chữ khắc tiếng Trung Quốc còn viết thêm mong nguyện của ông là "tích lũy công đức thay cho cha và (mẹ) đã khuất" để giúp cha mẹ đạt được giác ngộ cùng với tất cả chúng sinh.

Một ví dụ liên quan khác là bức tranh Đôn Hoàng về Đức Phật Dược Sư được mang đến Nhật Bản vào những năm 1930, hiện đang nằm trong bộ sưu tập của Bảo tàng Mỹ thuật Hakutsuru ở Kobe. Bức tranh chủ yếu được bảo trợ bởi Đường Nghệ Hân vào năm thứ tư của triều đại Thiên Thành (929). Ở giữa bức tranh là Đức Phật đang tọa thiền, tay cầm một bình pháp dược. Hai đệ tử xuất gia đứng, còn đại Bồ tát thị giả và hai vị thần hộ pháp khác đang quỳ lạy.

Góc dưới bên phải của bức tranh mô tả người cha đã khuất của Phật tử cúng dường, người có thể được xác định theo dòng chữ khắc ghi rằng "cha quá cố của tôi là Đường Thành Đức, một cư sĩ thực hành Phật giáo Đại thừa, toàn tâm toàn ý cúng dường".

Góc dưới bên trái mô tả một người phụ nữ đang cầm một chiếc đĩa. Bên cạnh bà, dòng chữ khắc rằng, "mẹ nhân từ của tôi là bà Hiếu Linh, một nữ cư sĩ thực hành theo Phật giáo Đại thừa, thành tâm cúng dường".

Một số nhà nghiên cứu cho rằng quan niệm của Nho giáo và tín ngưỡng thờ cúng cha mẹ, tổ tiên cũng có ảnh hưởng tới tư duy của người dâng cúng tôn tượng. Thông qua dòng chữ khắc, các nhà nghiên cứu cho rằng ông Đường muốn hoàn thành bốn phận với cha mẹ thông qua việc thờ phụng đức Phật Dược Sư. Một số giáo lý cơ bản của Nho giáo rất coi trọng việc tu dưỡng đức hạnh và tôn ti thứ bậc của các mối quan hệ giữa con người trong gia đình đã được đưa vào trong bức tranh thờ Phật. Ông Đường liên tục bày tỏ lòng tưởng nhớ và kính trọng của mình đối với người cha quá cố, đồng thời ông mong nguyện rằng, "bằng công đức mình đã tích lũy được, người cha nhân từ của mình sẽ được đức Phật hộ trì, để cha mẹ có thể vượt qua những khó khăn gặp phải ở cõi địa ngục và sớm được nghe Phật thuyết pháp". Rõ ràng việc phật tử Đường mong tích lũy công đức cho người cha quá cố của mình là một quan niệm quan trọng của lòng hiếu thảo. Ông công khai thể hiện mình là một người có đức tin nơi Tam bảo, đồng thời luôn thể hiện mình con hiếu thảo, biết tưởng nhớ tới cha mẹ và đặt tầm quan trọng mỗi quan hệ cha mẹ và con cái.

Ngoài mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái, ông Đường cũng rất coi trọng các nguyên tắc đạo đức truyền thống của Trung Quốc liên quan đến tình anh em ruột thịt. Văn bia đề tặng của ông thường xuyên nêu rõ tầm quan trọng của việc tu dưỡng đạo đức và nhấn mạnh trật tự gia đình theo thứ bậc, được áp dụng cho mối quan hệ giữa người trẻ và người lớn tuổi. Nội dung văn bia bày tỏ mong muốn của ông rằng anh chị em của mình sẽ "biết tôn trọng vị trí của mỗi người trong gia đình, biết nhường nhịn và giúp đỡ thực phẩm tốt nhất cho nhau. Đây cũng là phẩm chất thể hiện lòng tôn trọng cha mẹ". Ông Đường tỏ lòng ngưỡng mộ đối với Khổng Dung (153-208), một tấm gương sáng về hành vi đúng mực,

qua việc sẵn sàng trao tặng loại thực phẩm tốt nhất cho những người anh trai của mình. Ông Đường mong muốn các anh chị em mình cũng sẽ biết coi trọng và nuôi dưỡng các phẩm chất như Khổng Dung. Theo đó, ông cầu xin đức Phật hướng dẫn các thành viên trong gia đình mình để họ có thể mang lại sự hòa hợp, lịch sự và tôn trọng vào cuộc sống của họ.



Việc Đường Nghệ Hân chịu ảnh hưởng bởi những giáo lý Nho giáo có nguồn gốc truyền thống lâu đời tại Trung Quốc và duy trì các giá trị này khi tu tập đức Phật Dược Sư không phải là trường hợp ngoại lệ. Hai ví dụ đáng chú ý khác để nhấn mạnh rằng truyền thống tu tập đức Phật Dược sư đã không chối bỏ mà đưa các

các lý tưởng và giá trị thịnh hành của Trung Quốc lên một chiều sâu mới với ý nghĩa giải thoát vi diệu. Nghi lễ tu trì và thờ phụng đức Phật Dược Sư đã đáp ứng được kỳ vọng của xã hội, đặc biệt được tầng lớp quan lại và trí thức trong xã hội rất coi trọng và sử dụng để thể hiện lòng hiếu kính của mình.

Ví dụ đầu tiên là trường hợp của Phật tử Tiểu Vi, cháu trai của Hoàng đế Đường Thái tông (trị vì 762-779) nhà Đường. Ông là người nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc vì lòng hiếu thảo của mình. Theo một câu chuyện trong Quan tạng văn, Tiểu Vi đã vô cùng đau buồn vì trước sự qua đời của cha mình. Cha ông từng là một quan thanh tra địa phương ở Nhữ Châu. Khi Tiểu Vi đang thấy vô cùng hối hận vì không có cách nào để đền đáp lòng tốt và sự nhân từ của cha mình, thì mẹ ông đã gợi ý ông có thể làm những việc công đức thay vì người cha của mình. Do đó, Tiểu Vi quyết định vẽ một bức tranh Đức Phật Dược Sư, như một phần trong các nghi lễ tang lễ cho người cha.

Việc làm của Tiểu Vi được rất nhiều người giới quan lại khen ngợi và cho rằng đó là việc hiếu kính cao cả của một người đối với cha mẹ. Trong tác phẩm Những dẫn chứng tiêu biểu về lòng hiếu thảo, một trong những tác phẩm kinh điển trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, đã ghi lại rằng, Kinh hiếu thảo, được sáng tác trong thời Chiến Quốc (475 TCN - 221 TCN), viết rằng “những hành động chân chính giành cho người qua đời đều được thỏa mãn, và việc phụng sự cha mẹ của những người con hiếu thảo mới thực sự trọn vẹn.". Nội dung tác phẩm khuyên mọi người nên chăm sóc cha mẹ ngay cả sau khi họ qua đời, bởi vì sợi dây liên kết giữa cha mẹ và con cái trong cuộc đời vẫn còn tiếp tục sau khi cha mẹ qua đời.

Trong bối cảnh giá trị hiếu đạo được xã hội rất coi trọng qua nhiều thế hệ thì việc Tiểu Vi, thay mặt cho người cha quá cố của mình, phát tâm chế tác tôn tượng đức Phật Dược Sư để tích lũy công đức đã được những người đương thời ngợi ca là việc làm thể hiện tâm hiếu thảo cao quý.

Học giả Lương Tố thời nhà Đường khi viết bài điệu văn tưởng nhớ Công chúa Đường An, đã ca ngợi đức hạnh này của Tiểu Vi. Trong bài sáng tác của mình, Lương Tố đã bày tỏ rằng ông vô cùng cảm động trước niềm tín tâm lên đức Phật của Tiểu Vi và coi Tiểu Vi là một người giữ được phẩm chất đạo đức. Ông nhấn mạnh rằng, Tiểu Vi đạt tiêu chuẩn cao về đức hạnh và đáp ứng các tiêu chí cao nhất của một người con hiếu thảo.

Theo ông, không chỉ những người bình thường cảm động trước tâm hiếu kính của Tiểu Vi, mà chính đức Phật Dược Sư cũng sẽ hoan hỷ và ấn tượng trước sự chân thành và đức hiếu kính của Tiểu Vi. Việc làm của Tiểu Vi gây xúc động đến mức Đức Phật sẽ vô cùng từ bi và hoan hỷ đáp lại lời thỉnh cầu tha thiết của ông

Tương tự như vậy, nhiều Phật nữ tu trì đức Phật Dược Sư đã được người đời ngợi ca và ban tặng danh hiệu "người con gái hiếu thảo". Một trong nhiều trường hợp nổi bật là phu nhân của Lưu Thành vào thế kỷ thứ VIII. Bà là một người nội trợ bình thường trong gia đình nhưng đã được rất nhiều người ngợi ca bởi sau khi mẹ chồng bà qua đời, bà đã thay mặt mẹ chồng, phu nhân Đậu La, thêu bức hình Đức Phật Dược Sư. Hành động này của người vợ Lưu được Lương Tổ ngợi ca là một người phụ nữ hiếu thảo đặc biệt. Một phần quan trọng trong bài điệu văn của Lương có đoạn:

Có một người đủ tư cách được công nhận là người phụ nữ hiếu thảo. Bà là vợ của Lưu Thành, cựu tổng đốc Tân Thành. Đầu tiên, bà đã tổ chức tang lễ theo truyền thống cho mẹ chồng quá cố của mình, Phu nhân Đậu La. Từ lễ trăm ngày đến giỗ đầu tiên, bà không thể ngừng khóc thương.

Sau đó, bà tiếp tục tích lũy công đức [cho người quá cố] cho đến ngày giỗ thứ hai bằng cách tụng kinh Phật và tôn kính hình ảnh cao quý của đấng thiêng liêng. Sử dụng những sợi chỉ nhiều màu, bà đã hoàn thành một hình ảnh tinh xảo được trang trí hoàn hảo và vô cùng lộng lẫy.

Bức hình Phật rất trang nghiêm như [Đức Phật] tỏa ra ánh sáng rực rỡ để đáp ứng những lời nguyện tha thiết của mình và chiếu ánh tịnh quang tịnh hóa mọi bất thiện ác nghiệp. Vì vậy, bà xứng đáng được ca ngợi:

*Ôi, chiếu sáng khắp vũ trụ vô tận, như ngọc lưu ly sáng ngời
Bậc Đại Dược Y vương, chữa lành mọi tật bệnh.
Pháp tướng ngài diệu kỳ và vô tướng
Công đức cao vời thẳm sâu khó nghĩ bàn
Tâm hiếu thảo và tận tụy nơi người con bất biến
Khéo léo bằng sợi chỉ ngũ sắc cát tường
Bà thêu hình đức Dược Vương, mang công đức vô lượng
Xin hồi hướng công đức lên mẹ chồng quá cố.*

Niềm tôn kính và tha thiết thực hành Phật pháp của phu nhân ông Lưu được những người đương thời công nhận là một hành động hiếu thảo tột cùng. Hành động khéo léo, kiên trì và thành kính của bà khi thêu hình Đức Phật Dược Sư không chỉ được diễn giải theo góc độ tâm linh, mà thay vào đó, con được đánh giá cao từ góc độ văn hóa và xã hội rộng hơn. Việc cầu nguyện với những nghi thức thờ phụng đức Phật trở thành những hành động thể thiện tâm hiếu kính tột cùng lên cha mẹ.

Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, các Phật tử đã hoàn thành một phần bổn phận gia đình của mình thông qua việc tham gia tu tập, thờ phụng và cầu

nguyện lên Đức Phật Dược Sư. Thông qua đó, các phật tử đã nâng tầm giá trị của hiếu kính trong xã hội, đồng thời trở thành những cá nhân đáng khen ngợi, phù hợp với giá trị lý tưởng của những người con trai và con gái hiếu thảo. Họ đã trở thành những tấm gương đạo đức về lòng hiếu kính.

Việc thờ phụng, tu trì và cầu nguyện lên đức Phật không chỉ là một hành động tôn giáo mà còn là sự thể hiện công khai các giá trị đạo đức trong đời sống gia đình và cộng đồng. Việc thực hành các giá trị giải thoát trong Phật giáo đồng thời cũng thể hiện sự tuân thủ và nâng tầm các giá trị trong đời sống thường nhật. Các phật tử không chỉ mang lại sự giải thoát, giác ngộ cho bản thân, cho gia đình, cha mẹ, đồng thời cũng khẳng định vị thế xã hội của mình và được xã hội chấp thuận, ngợi ca.

Tổng hợp và dịch: **Anh Vũ - La Sơn Phúc Cường**

Nguồn: Yujing Chen, *the worship of Medicine Buddha in Medieval China*, University of Florida, 2027.

Chú thích:

[i] Xem Kenneth E. Brashier, Ký ức tổ tiên ở Trung Quốc thời kỳ đầu (Ancestral Memory in Early China), 46-101.

[ii] Liu Jinglong và Li Yukun, 627-8.

[iii] Nằm giữa tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc ngày nay.

[iv] Để biết bản chép lại dòng chữ này, hãy xem Liu Jinglong và Li Yukun, 242.

[v] Xem Li Xiangfeng 李翔凤, Guanzi jiaozhu 管子校注, 3.

[vi] Xem Sato Chisui 佐藤千史, “Hokuchō zōzōmei kō” 北条朝宗美考, 19.

[vii] Kamitsuka Yoshiko, “Lao-tzu in Six Dynasties Taoist Sculpture,” 63-86.

[viii] Tống Shao còn được gọi là Song Shaoyan 邵雍. Kuaiji nằm ở tỉnh Chiết Giang ngày nay.

[ix] Xem Ikeda On, 139.

[x] S. 3935 được chép lại trong Huang Zhen và Wu Wei, biên tập, Dunhuang yuan wen ji, 848.

[xi] Jiang Liangfu 江良夫, Mogaoku nian biao 摩伽国年表, 190.

[xii] Đồng Xuyên cách kinh đô Trường An của nhà Đường khoảng 70 km.

[xiii] Xem Bai Wen 白文, “Guanzhong tangdai yaoshifo zaoxiang tuxiang yanjiu” 关 中 唐 代 姚 氏 佛 造 像 图 像 研 究, 148-155.

[xiv] Một bức ảnh về bức tranh được tái hiện trong Roderick Whitfield, The Art of Central Asia, tập 1, trang 16-3.

[xv] Các học giả có quan điểm khác nhau về ngày bức tranh này ra đời. Jin Ronghua 金荣华 tuyên bố rằng bức tranh lụa này được tạo ra vào năm 776. Tuy nhiên, hầu hết các học giả—ví dụ như Heather Karmay và Roderick Whitfield — cho rằng nó được tạo ra vào năm 836. Xem Jin Ronghua, “Daying bowuguan cang dunhuang yaoshifo jingtu bian niandai zhi kaosuo” 大 英 博 物 馆 藏 敦 煌 姚 氏 佛 经 图 变 年 代 之 考 索, 9-12; Heather Karmay, Early Sino-Tibetan Art, 10-14; và Roderick Whitfield, The Art of Central Asia: The Stein Collection in the British Museum, tập 1, 311-312.

[xvi] Roderick Whitfield, The Art of Central Asia, vol. 1, 311-312.

[xvii] Rong Xinjiang 荣新江 lập luận rằng bức tranh này được Lu Jiliang 卢继良, một người Trung Quốc, sưu tầm. Sau đó, bức tranh được bán cho Asano Umekichi 浅野 梅吉 (1877-1960), một nhà buôn nghệ thuật người Nhật. Xem Rong Xinjiang, Eighteen Lectures on Dunhuang, 100.

[xviii] Một bức ảnh chụp bức tranh được tái hiện trong Hakutsuru bijutsukan meihinsen 白 土 楼 美 术 馆 名 品 集, số 112.

[xix] Ibid. Chữ khắc có nội dung, “白土楼美术馆藏”.

[xx] Dòng chữ có nội dung: “白土楼美术馆藏”.

[xxi] Dòng chữ này được Wang Huimin 王惠民 chép lại vào năm 1999. Xem Wang Huimin, “Ribei baihe meishuguan cang liangjian dunhuang juanhua” 日 本 白 河 美 术 馆 藏 凉 州 唐 代 绢 画, Hai bức tranh lụa Đôn Hoàng trong bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Hakusuru, Nhật Bản, 176-178.

[xxii] Dòng chữ này được Wang Huimin 王惠民 chép lại vào năm 1999. Xem Wang Huimin, “Ribei baihe meishuguan cang liangjian dunhuang juanhua” 日 本 白 河 美 术 馆 藏 凉 州 唐 代 绢 画, 176-178.

[xxiii] Như trên. Dòng chữ có nội dung: “白土楼美术馆藏”.

[xxiv] Ruzhou nằm ở tỉnh Hà Nam ngày nay.

[xxv] Quan tang wen 519.6691.

[xxvi] Văn bản gốc viết, “Sự sống và cái chết chính đáng đã được chuẩn bị; lòng hiếu thảo của người con hiếu thảo đã chấm dứt.” Xem Shisan jing zhu shu Bình luận về Mười ba kinh điển, tập 8, 58. của Kinh điển về lòng hiếu thảo, xem Henry Rosemont và Roger T. Ames, *The Chinese Classic of Family Reverence: A Philosophical Translation of the Xiaojing*, 2009.

[xxvii] Quan tang wen 519.6691.

[xxviii] Nó nằm ở tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[xxix] Thuật ngữ zuku 哭, theo nghĩa đen có nghĩa là ngừng khóc, là nghi lễ tang lễ kéo dài một trăm ngày.

Theo truyền thống, khóc là một phần của nghi lễ tang lễ. Sau zuku, những người sống sót hoàn thành nghĩa vụ của họ và không cần phải khóc cho người đã khuất.

[xxx] Quan tang wen 519.6692.